

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/KDTM-PT
Ngày: 28-4-2020
V/v “Tranh chấp Hợp đồng kinh
doanh thương mại về mua bán
hàng hóa”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Mạnh Hùng

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLPT- KDTM ngày 14 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp: “Tranh chấp Hợp đồng kinh doanh thương mại về mua bán hàng hóa”.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55/2020/QĐ-PT ngày 04/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 25/2020/QĐ-PT ngày 26/3/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu H; địa chỉ: cụm Công nghiệp K, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp:

+ Ông Bùi Văn H, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng quản trị).

+ Ông Trần Ngọc C, là người đại diện theo ủy quyền (*Văn bản ủy quyền số 19/2018/GUQ-HP ngày 31/8/2018*), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại L; địa chỉ: Thôn 11, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đinh Văn B, là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Đình H, sinh năm: 1964; địa chỉ: cụm Công nghiệp K, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2/ Ông Phạm Trung Ph, sinh năm: 1981; địa chỉ: tổ T, phường Q, quận K, thành phố H; địa chỉ liên lạc: tổ T3, phường Q, quận K, thành phố H, vắng mặt.

Người kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại L – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2016, lời trình bày tại các bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu H (viết tắt là Công ty H), thì:

Ngày 28/01/2015, 09/02/2015 Công ty H và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại L (viết tắt là Công ty L) có ký Hợp đồng mua bán số 05 và số 10/2015-HP, theo đó Công ty H bán phân bón cho Công ty L, Công ty L có trách nhiệm trả tiền theo giá cả và phương thức thanh toán ngay 50% giá trị lô hàng, số tiền còn lại thanh toán chậm nhất 01 tháng kể từ ngày giao hàng, nếu lấy lô hàng tiếp theo thì phải thanh toán 50% giá trị lô hàng trước đó. Nếu vi phạm các thỏa thuận này thì Công ty L phải chịu thêm lãi suất 1,15%/tháng, từ tháng thứ 02 trở đi phải chịu lãi suất 1,25% trên số tiền nợ quá hạn và không được hưởng chương trình chiết khấu, khuyến mãi như đã thỏa thuận trong khoản 1 Điều IV của hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 01/7/2015 Công ty L còn nợ Công ty H số tiền 172.800.000đ.

Ngày 11/9/2015 Công ty H đã ủy quyền cho nhân viên của mình là Ông Nguyễn Đình H thu hồi nợ Công ty L và yêu cầu ông H không được ủy quyền lại cho người khác, nhưng ngày 12/9/2015 ông H làm giấy ủy quyền lại cho Ông Phạm Trung Ph thu hồi nợ Công ty L mà không được sự đồng ý của Công ty H. Do đó Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty L trả cho Công ty H số tiền nợ phân bón đã mua là 172.800.000đ, lãi phát sinh tính từ ngày 01/7/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng, tiền chiết khấu 16.150.000đ và tiền khuyến mãi 40 thùng bia là 8.000.000đ.

- Ông Đinh Văn B, người đại diện theo pháp luật của Công ty L, thừa nhận giữa Công ty H và Công ty L có ký 02 hợp đồng mua bán phân bón với nội dung thỏa thuận như phía Công ty H trình bày. Tính đến ngày 01/7/2015 Công ty L có

nợ Công ty H số tiền 172.800.000đ. Tuy nhiên, vào ngày 28/10/2015 Ông Phạm Trung Ph là người được Ông Nguyễn Đình H ủy quyền đến thu hồi nợ nên ông đã trực tiếp trả số tiền 172.800.000đ cho ông Ph. Vì số tiền này ông đã trả cho Công ty H thông qua Ông Phạm Trung Ph rồi nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Công ty H.

- Ông Nguyễn Đình H cho biết ông là nhân viên Công ty H và được Công ty ủy quyền cho ông đòi khoản nợ 172.800.000đ mà Công ty L đã nợ Công ty H theo Giấy ủy quyền số 01/2015/GUQ-HP ngày 01/9/2015. Sau đó, ngày 12/9/2015 ông đã ủy quyền lại cho Ông Phạm Trung Ph đòi nợ Công ty L, việc ủy quyền này Công ty H có biết và mặc nhiên đồng ý. Sau này, ông có biết Công ty L đã trả số tiền trên cho Công ty H thông qua Ông Phạm Trung Ph nhưng ông Ph không giao tiền lại cho Công ty H. Nay Công ty H khởi kiện ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Theo Ông Phạm Trung Ph trình bày thì vào ngày 12/9/2015, ông H có ủy quyền cho ông đòi nợ Công ty L với số tiền 172.800.000đ, ông có đến Công ty L đòi nợ nhưng không đòi được và cũng không nhận số tiền 172.800.000đ từ Công ty L.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại Bản án số 01/2019/KDTM-ST ngày 29 tháng 8 năm 2019; Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu H về việc “Tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại về mua bán hàng hóa” với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại L. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại L có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu H tiền nợ phân bón, tiền lãi, tiền chiếc khấu tổng cộng là 292.311.200đ. Trong đó, tiền nợ gốc 172.800.000đ, tiền lãi 107.611.200đ, tiền chiếc khấu 11.900.000đ.

2. Bác một phần yêu cầu của Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu H đối với tiền chiếc khấu và tiền khuyến mãi là 12.250.000đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 12/9/2019 Công ty L kháng cáo đối toàn bộ Bản án sơ thẩm, cho rằng đã trả cho Công ty H số tiền 172.800.000đ vào ngày 28/10/2015 nên không đồng ý trả nữa, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu H và Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ L có xác lập Hợp đồng mua bán phân bón số 05/2015-HP ngày 28/01/2015 và số 10/2015-HP ngày 09/02/2015 với nội dung Công ty H giao phân bón cho Công ty L và Công ty L thực hiện việc thanh toán tiền theo hợp đồng đã ký kết. Quá trình thực hiện hợp đồng do các bên không thống nhất được với nhau về số tiền đã trả nên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng kinh doanh thương mại về mua bán hàng hóa” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của Công ty L thì thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện việc các bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng số 05/2015-HP và số 10/2015-HP về việc mua bán phân bón là có xảy ra trong thực tế, quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 01/7/2015 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 172.800.000đ; giữa các bên không tranh chấp số tiền còn thiếu. Công ty L cho rằng đã trả tiền cho Công ty H theo giấy ủy quyền của Ông Nguyễn Đình H ủy quyền cho Ông Phạm Trung Ph. Xét thấy, theo thư ủy quyền số 02/2015/UQ-HP ngày 01/9/2015 của Công ty H do ông Trần Ngọc Thăng, Phó Tổng Giám đốc Công ty ủy quyền cho Ông Nguyễn Đình H thể hiện nội dung “Đến Công ty trách nhiệm hữu hạn Linh Long, đại diện cho Ông Đình Văn B tại địa chỉ: thôn 11, Lộc A, Bảo L, Lâm Đồng để thu số tiền là Công ty TNHH dịch vụ Thương mại L còn nợ Công ty CP ĐT XNK H (Địa chỉ: Cụm CN K1, Pong D, K'Rong B, Đắc Lắc), số tiền là 172.800.000đ (Một trăm bảy mươi hai triệu đồng). Tôi xin cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu có tranh chấp xảy ra về thư ủy quyền này. Thư ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi giải quyết xong vụ việc nêu trên.” Như vậy việc ông H được đại diện cho Công ty cổ phần xuất nhập khẩu H để thu hồi nợ theo nội dung ủy quyền trên nhưng nội dung ủy quyền không thể hiện việc ủy quyền lại cho người thứ ba. Tuy nhiên, ngày 12/9/2015 ông H lại tự ý ủy quyền cho Ông Phạm Trung Ph để thu hồi nợ của Công ty L là không phù hợp với nội dung của thư ủy quyền nói trên. Bởi lẽ, ông H không thông báo cho Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu H việc ủy quyền cho ông Ph để thu hồi nợ, việc ủy quyền lại chưa được sự đồng ý của Công ty H. Như vậy, ông Ph không phải là người được Công ty H cử đi đòi nợ đối với Công ty L nên trong trường hợp Công ty L trả nợ cho Công ty H thông qua ông Ph cũng không hợp pháp. Do đó việc Công ty H khởi kiện Công ty L trả số tiền 172.800.000đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với việc Công ty L cho rằng đã trả tiền cho Công ty H thông qua ông Ph thì thấy rằng: Ngày 28/10/2015 ông Ph có đến Công ty L để thu nợ và có lập

giấy biên nhận đã nhận số tiền 172.800.000đ do Công ty H trả cho Công ty L, có chữ ký và chữ viết Phạm Trung Phương. Tuy nhiên, như trên đã phân tích, ông H không được sự đồng ý của Công ty H nhưng lại ủy quyền cho ông Ph để thu hồi nợ là không đúng thẩm quyền. Hơn nữa, tại Công văn trả lời của Công an huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 21/5/2018 cũng đã thể hiện nội dung “Việc Ông Nguyễn Đình H thay mặt Công ty H ủy quyền cho Ông Phạm Trung Ph thu hồi nợ tại Công ty L là không đúng thẩm quyền. Đến nay Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B chưa làm rõ được các nội dung có liên quan và chưa xác định được Phạm Trung Phương đã hoàn thành công việc theo ủy quyền của Ông Nguyễn Đình H chưa”. Quá trình giải quyết các đương sự không có yêu cầu gì đối với Ông Phạm Trung Ph. Do đó trong trường hợp Công ty L cho rằng đã đưa tiền cho ông Ph, nếu các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu về lãi suất: Tại Điều III của Hợp đồng mua bán phân bón ngày 28/01/2015 các bên thỏa thuận lãi suất là 1,15%/tháng (tháng thứ nhất), từ tháng thứ hai trở đi mức lãi suất phải thanh toán là 1,25%/tháng, kể từ ngày bên A xuất hóa đơn tài chính tính trên tổng số tiền quá hạn thanh toán; cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi là phù hợp, cụ thể tiền lãi được tính như sau: 1,15%/tháng từ ngày 01/7/2015 đến ngày 01/8/2015 là: $1,15\% \times 01 \text{ tháng} \times 172.800.000\text{đ} = 1.987.200\text{đ}$; 1,25%/tháng từ ngày 02/8/2015 đến ngày 29/8/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là $172.800.000\text{đ} \times 48 \text{ tháng} \times 1,25\% = 105.624.000\text{đ}$. Như vậy tổng tiền lãi Công ty L phải trả cho Công ty H là 107.611.200đ.

[5] Đối với yêu cầu hoàn trả tiền khuyến mãi: theo hồ sơ thể hiện thì Công ty L đã nhận tiền chiết khấu tổng cộng là 11.900.000đ vào các ngày 27/01/2015 và 09/02/2015; do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cấp sơ thẩm buộc trả lại tiền chiết khấu là phù hợp.

[6] Đối với yêu cầu hoàn trả hàng khuyến mãi: xét thấy 40 thùng bia (giá trị là 8.000.000đ) Công ty H giao cho Công ty L để khuyến mãi cho người mua, mục đích là quảng bá thương hiệu cho nguyên đơn, bị đơn không được hưởng giá trị của hàng khuyến mãi này nên nguyên đơn yêu cầu trả lại là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[8] Về chi phí tố tụng: chi phí giám định chữ ký, chữ viết hết 4.000.000đ, ông Bình tự nguyện chịu, đã tạm nộp và quyết toán xong nên không đề cập.

[9] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Khoản 2, 5 Điều 26, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu H về việc “Tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại về mua bán hàng hóa” với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại L.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại L có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu H tiền nợ phân bón, tiền lãi, tiền chiết khấu tổng cộng là 292.311.200đ (hai trăm chín mươi hai triệu ba trăm mười một nghìn hai trăm đồng), trong đó, tiền nợ gốc 172.800.000đ (một trăm bảy mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng), tiền lãi 107.611.200đ (một trăm lẻ bảy triệu sáu trăm mười một nghìn đồng), tiền chiết khấu 11.900.000đ (mười một triệu chín trăm nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu H đối với tiền chiết khấu và tiền khuyến mãi là 12.250.000đ (mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại L phải chịu 14.615.560đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Buộc Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu H phải chịu 3.000.000đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào số tiền 5.081.430đ tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0006743 ngày 31/5/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Công ty H được nhận lại 2.081.430đ tạm ứng án phí còn thừa.

- Án phí phúc thẩm: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại L phải chịu 2.000.000đ án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào số tiền 3.000.000đ tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013157 ngày 27/9/2019

của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Công ty L được nhận lại 1.000.000đ tạm ứng án phí còn thừa.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV & THA;
- TAND huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự (04);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Châu Thạch